TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **140**/2025/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 07 tháng 08 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị H**, sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 2, Bằng A, phường H, thành phố H.

Căn cước công dân số: 044191006210 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 25/6/2021.

- **Bị đơn: Anh T**; sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ 2, Bằng A, phường H, thành phố H.

Căn cước công dân số: 001091011384 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 15/4/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị H và anh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T cùng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị H và anh T xác nhận có một con chung là T, sinh ngày 30/11/2021. Hai bên thỏa thuận giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu T trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

2.3. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị H và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị H tự nguyện chịu cả 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí giải quyết về hôn nhân gia đình được trừ vào số tiền án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002363 ngày 29/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – H. Trả lại cho chị H *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**** Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND phường H, HN
(kết hôn ngày 13/01/2021);
- VKSND khu vực 3 - HN;
- Phòng THADS khu vực 3- HN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lài